

Số: 40 /2016/QĐ-UBND

Ninh Thuận, ngày 15 tháng 7 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế phối hợp liên ngành về tra cứu, xác minh, trao đổi, cung cấp, tiếp nhận, xử lý thông tin lý lịch tư pháp trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Lý lịch tư pháp ngày 17 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Luật thi hành án hình sự ngày 29 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự ngày 14 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự ngày 25 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật hộ tịch ngày 20 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 111/2010/NĐ-CP ngày 23/11/2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Lý lịch tư pháp;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 04/2012/TTLT-BTP-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BQP ngày 10/5/2012 của Bộ Tư pháp, Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Công an và Bộ Quốc phòng hướng dẫn trình tự, thủ tục tra cứu, xác minh, trao đổi, cung cấp thông tin lý lịch tư pháp;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số: 924 /TTr-STP ngày 30/6/2016 và Báo cáo thẩm định số: 749/BC-STP ngày 31 tháng 5 năm 2016 của Sở Tư pháp.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp liên ngành về tra cứu, xác minh, trao đổi, cung cấp, tiếp nhận, xử lý thông tin lý lịch tư pháp trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận; gồm 02 chương, 12 điều.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 (mười) ngày, kể từ ngày ký ban hành và thay thế Quyết định số 60/2011/QĐ-UBND ngày 03/11/2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy chế phối hợp liên ngành về cung cấp, tiếp nhận, xử lý thông tin lý lịch tư pháp trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tư pháp; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã trên địa bàn tỉnh và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận: 

- Như Điều 2;
- Văn phòng Chính phủ;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Trung tâm LLTPQG - Bộ Tư pháp;
- Cục Công tác phía Nam - BTP;
- TT Tỉnh ủy; TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- TAND, VKSND tỉnh;
- Công an tỉnh, Cục Thi hành án dân sự tỉnh;
- TT. HĐND các huyện, thành phố;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- VPUB: LĐ, TT TH-CB;
- Lưu: VT, NC. ĐDM.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Lưu Xuân Vĩnh

QUY CHẾ

Phối hợp liên ngành về tra cứu, xác minh, trao đổi, cung cấp, tiếp nhận,
xử lý thông tin lý lịch tư pháp trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 40 /2016/QĐ-UBND
ngày 13 tháng 7 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định trách nhiệm và phạm vi phối hợp trong việc cung cấp, rà soát, tra cứu, xác minh, trao đổi thông tin lý lịch tư pháp để xây dựng cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp và cấp Phiếu lý lịch tư pháp trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật lý lịch tư pháp.

2. Quy chế này áp dụng đối với Sở Tư pháp, Tòa án nhân dân tỉnh; Tòa án nhân dân các huyện, thành phố (sau đây gọi tắt là Tòa án nhân dân); Công an tỉnh, Công an các huyện, thành phố (sau đây gọi tắt là Công an nhân dân); Cục Thi hành án dân sự tỉnh, Chi Cục thi hành án dân sự các huyện, thành phố (sau đây gọi tắt là Cơ quan Thi hành án dân sự); Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh, Viện Kiểm sát nhân dân các huyện, thành phố (sau đây gọi tắt là Viện Kiểm sát nhân dân); Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã và các cơ quan, tổ chức có liên quan trong việc cung cấp, tra cứu, xác minh, trao đổi thông tin lý lịch tư pháp theo quy định của pháp luật lý lịch tư pháp.

Điều 2. Nguyên tắc phối hợp

Nâng cao trách nhiệm, chủ động và hỗ trợ trong việc thực hiện các quy định của pháp luật lý lịch tư pháp, nhằm thực hiện có hiệu quả Thông tư liên tịch số 04/2012/TTLT-BTP-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BQP ngày 10/5/2012 của Bộ Tư pháp, Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Công an và Bộ Quốc phòng hướng dẫn trình tự, thủ tục tra cứu, xác minh, trao đổi, cung cấp thông tin lý lịch tư pháp (sau đây gọi tắt là Thông tư liên tịch số 04/2012/TTLT-BTP-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BQP).

Chương II

TRÁCH NHIỆM THỰC HIỆN PHỐI HỢP

Điều 3. Trách nhiệm chung

Thực hiện tốt nhiệm vụ của Tòa án nhân dân; Công an nhân dân; Cơ quan Thi hành án dân sự; Viện Kiểm sát nhân dân; Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã và các cơ quan, tổ chức có liên quan về tra cứu, xác minh, trao đổi, cung cấp thông tin lý lịch tư pháp để xây dựng cơ sở dữ liệu và cấp Phiếu lý lịch tư pháp

theo quy định của Luật Lý lịch tư pháp, Nghị định số 111/2010/NĐ-CP ngày 23/11/2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Lý lịch tư pháp và Thông tư liên tịch số 04/2012/TTLT-BTP-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BQP.

Điều 4. Sở Tư pháp

1. Tiếp nhận, cập nhật và xử lý kịp thời thông tin lý lịch tư pháp theo quy định của pháp luật do Tòa án nhân dân; Công an nhân dân; Cơ quan Thi hành án dân sự; Viện Kiểm sát nhân dân; Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã và các cơ quan, tổ chức liên quan cùng cấp.

2. Phối hợp các cơ quan, tổ chức có liên quan tra cứu, xác minh, cung cấp thêm thông tin lý lịch tư pháp về án tích để lập Lý lịch tư pháp của người có lý lịch tư pháp, cụ thể như: bản án hình sự, quyết định giám đốc thẩm, tái thẩm và quyết định thi hành án hình sự; đặc xá; thi hành án phạt trực xuất; thi hành án dân sự; việc chấp hành xong án phạt cải tạo không giam giữ, án treo và các hình phạt bổ sung; về cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã.

3. Phối hợp với cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu về dân cư; cơ quan quản lý, đăng ký hộ tịch; cơ quan đăng ký, quản lý cư trú; cơ quan cấp, quản lý chứng minh nhân dân (Thẻ Căn cước công dân) để cập nhật, bổ sung thông tin lý lịch tư pháp được rõ ràng, chính xác.

4. Phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã; Tòa án nhân dân; Viện Kiểm sát nhân dân; cơ quan điều tra của Công an trong việc xác minh về điều kiện đương nhiên được xóa án tích theo quy định tại Điều 17 Nghị định số 111/2010/NĐ-CP để xây dựng Cơ sở dữ liệu và cấp Phiếu lý lịch tư pháp.

5. Định kỳ hàng quý, Sở Tư pháp phối hợp với các cơ quan Tòa án nhân dân, Công an nhân dân, Viện Kiểm sát nhân dân và cơ quan Thi hành án dân sự thực hiện rà soát về số lượng thông tin lý lịch tư pháp đã cung cấp theo quy định tại Điều 13, Điều 14, khoản 3 Điều 15, khoản 4 Điều 16, Điều 17 và Điều 20 Thông tư liên tịch số 04/2012/TTLT-BTP-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BQP.

Điều 5. Tòa án nhân dân

1. Tra cứu, cung cấp thông tin lý lịch tư pháp có trước ngày 01/7/ 2010 theo quy định tại điểm a, b, c, khoản 1 Điều 4; Điều 5; Điều 6; Điều 11 và Điều 21 Thông tư liên tịch số 04/2012/TTLT-BTP-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BQP khi nhận được văn bản đề nghị cung cấp thông tin của Sở Tư pháp.

2. Cung cấp thông tin lý lịch tư pháp từ ngày 01/7/2010 cho Sở Tư pháp theo quy định Điều 13, Điều 14 Thông tư liên tịch số 04/2012/TTLT-BTP-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BQP.

Điều 6. Công an nhân dân

1. Cung cấp thông tin có trước ngày 01 tháng 7 năm 2010

a) Phòng Hồ sơ nghiệp vụ Công an tỉnh thực hiện tra cứu, cung cấp thông tin lý lịch tư pháp theo quy định tại khoản 2 Điều 9 và điểm b khoản 1 Điều 25

của Nghị định số 111/2010/NĐ-CP để lập Lý lịch tư pháp và cấp Phiếu lý lịch tư pháp.

b) Phòng Cảnh sát thi hành án hình sự và hỗ trợ tư pháp Công an tỉnh cung cấp thông tin về việc thi hành án phạt trực xuất trong 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Sở Tư pháp.

2. Cung cấp thông tin từ ngày 01 tháng 7 năm 2010

Công an cấp huyện (Bộ phận thi hành án hình sự và hỗ trợ tư pháp) có nhiệm vụ cung cấp các thông tin lý lịch tư pháp sau đây cho Sở Tư pháp:

a) Giấy chứng nhận đã chấp hành xong thời gian thử thách án treo, án phạt cải tạo không giam giữ cho Sở Tư pháp trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày cấp giấy chứng nhận.

b) Giấy chứng nhận đã chấp hành xong án phạt cấm cư trú, án phạt quản chế, án phạt tước một số quyền công dân, án phạt cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định cho Sở Tư pháp (nơi bộ phận thi hành án hình sự và hỗ trợ tư pháp Công an cấp huyện có trụ sở) trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày cấp giấy chứng nhận.

3. Phối hợp xác minh để làm rõ về việc người bị kết án có đang bị khởi tố, điều tra để cập nhật thông tin vào Lý lịch tư pháp của người bị kết án theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 17 Nghị định số 111/2010/NĐ-CP về điều kiện đương nhiên được xóa án tích.

Điều 7. Viện Kiểm sát nhân dân

1. Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh đã ra quyết định tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù trong trường hợp kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm hoặc tái thẩm có nhiệm vụ gửi quyết định đó cho Sở Tư pháp trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày ra quyết định.

2. Viện Kiểm sát nhân dân các huyện, thành phố phối hợp với Sở Tư pháp xác minh để làm rõ việc người bị kết án có đang bị khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử để cập nhật thông tin vào Lý lịch tư pháp của người bị kết án.

Điều 8. Cơ quan Thi hành án dân sự

1. Cung cấp thông tin lý lịch tư pháp từ ngày 01/7/2010 cho Sở Tư pháp theo quy định tại Điều 20 Luật Lý lịch tư pháp và Điều 17 Thông tư liên tịch số 04/2012/TTLT-BTP-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BQP.

2. Tra cứu, cung cấp thông tin lý lịch tư pháp có trước ngày 01/7/2010 theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 4; Điều 8 Thông tư liên tịch số 04/2012/TTLT-BTP-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BQP.

3. Cung cấp thông tin của người phải thi hành án trong thời hạn 10 ngày làm việc khi nhận được văn bản đề nghị của Sở Tư pháp.

Điều 9. Trách nhiệm của các cơ quan khác

1. Cơ quan, tổ chức đã cấp giấy chứng nhận chấp hành xong án phạt cải tạo

không giam giữ, án treo, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định, cấm cư trú, quản chế, tước một số quyền công dân có nhiệm vụ cung cấp thông tin về việc chấp hành xong án phạt cải tạo không giam giữ, án treo, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định, cấm cư trú, quản chế, tước một số quyền công dân trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị cung cấp thông tin của Sở Tư pháp.

2. Cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu về dân cư; cơ quan đăng ký, quản lý cư trú; cơ quan cấp, quản lý chứng minh nhân dân (Thẻ căn cước công dân) có nhiệm vụ xác minh, cung cấp thông tin cho Sở Tư pháp đã đề nghị trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị cung cấp thông tin. Đối với những trường hợp đặc biệt cần xác minh nhiều nơi, thì được phép kéo dài thời hạn nhưng không quá 20 ngày làm việc.

Điều 10. Trách nhiệm của UBND cấp huyện, cấp xã

1. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố gửi bản chính hoặc bản sao Trích lục thay đổi, cải chính hộ tịch, bổ sung hộ tịch, xác định lại dân tộc cho người từ đủ 14 tuổi trở lên cho Sở Tư pháp.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã gửi bản sao Trích lục chứng tử cho người từ đủ 14 tuổi trở lên cho Sở Tư pháp.

Điều 11. Hình thức và phương thức cung cấp thông tin lý lịch tư pháp

Các cơ quan, tổ chức cung cấp, rà soát, tra cứu, xác minh, trao đổi thông tin lý lịch tư pháp theo quy định tại Điều 3 Thông tư liên tịch số 04/2012/TTLT-BTP-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BQP.

Điều 12. Tổ chức thực hiện

Các cơ quan, tổ chức có liên quan trong việc cung cấp, rà soát, tra cứu, xác minh, trao đổi thông tin lý lịch tư pháp để xây dựng cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp và cấp Phiếu lý lịch tư pháp có trách nhiệm thực hiện theo quy định của pháp luật lý lịch tư pháp và Quy chế này.

Trong quá trình thực hiện quy chế, nếu có vướng mắc giữa các cơ quan phối hợp, các cơ quan, đơn vị, địa phương kịp thời phản ánh về Sở Tư pháp để báo cáo UBND tỉnh xem xét, giải quyết./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Lưu Xuân Vĩnh